

GIẢNG CO TRONG BIÊN ĐỘ HẸP

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Các hoạt động mua trading T+, nhà đầu tư nên hạn chế mua ở các mức giá cao trong phiên mà nên chờ các nhịp điều chỉnh rung lắc của thị trường để mở vị thế.
BÁN	Đối với các nhà đầu tư cần thực hiện cơ cấu danh mục hoặc bán chốt lời các vị thế mua bắt đáy có thể sử dụng các lệnh trailing stop hoặc bán từng phần trong các nhịp phục hồi với vùng cản quan trọng 1.230-1.237 điểm.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

	MUA
SSI	↑ 9,76%
	VND25.300

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng nhẹ vào thứ Hai khi nhà đầu tư chuẩn bị cho một tuần bận rộn với dữ liệu kinh tế và báo cáo lợi nhuận doanh nghiệp.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Sau 3 phiên tăng liên tiếp, VN-Index đang chuyển qua trạng thái giằng co, rung lắc nhẹ. Đáng chú ý là thanh khoản thị trường giảm mạnh khi dòng tiền lớn dường như đã sớm bước vào kỳ nghỉ lễ. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ các mã đang duy trì đà tăng mạnh, và có thể chọn lọc một số cổ phiếu thuộc các nhóm ngành đang thu hút dòng tiền tốt trong phiên để giải ngân thăm dò với tỉ trọng nhỏ nhằm tận dụng quán tính hồi phục của thị trường chung.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	40.227,59	0,28	-5,45
S&P 500	5.528,75	0,06	-6,00
Nasdaq	17.366,13	-0,10	-10,07
VIX	25,15	1,25	44,96
DAX	22.271,67	0,13	11,87
FTSE 100	8.417,34	0,02	2,99
CAC40	7.573,76	0,50	2,62
Hang Seng	22.073,36	0,46	10,04

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	NEUTRAL	SELL	SELL

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	47,05	SELL
MACD (12,26)	-17,34	SELL
ADX (14)	32,68	SELL
SMA5	1.217,50	BUY
SMA20	1.220,54	BUY
SMA50	1.277,02	SELL
SMA100	1.267,92	SELL
SMA200	1.263,10	SELL

ĐIỂM TIN CHÍNH

- **Thị trường Mỹ** tăng nhẹ vào ngày thứ Hai (28/04), khi Phố Wall chuẩn bị cho một tuần bận rộn với dữ liệu kinh tế và báo cáo lợi nhuận doanh nghiệp. Nhà đầu tư cũng đang chờ đợi bất kỳ tiến triển nào trong các cuộc đàm phán thỏa thuận thương mại.
- **Theo dữ liệu từ Ngân hàng Nhà nước**, trong phiên 25/4, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm ở mức 2,46%/năm, giảm 2,23 điểm % so với phiên ghi nhận lãi suất cao nhất trong tuần (21/4-26/4) là 4,69%/năm tại ngày 22/4, xuống thấp nhất kể từ đầu năm đến nay. Lãi suất đã giảm đáng kể với mức giảm 3,63% so với mức đỉnh từng ghi nhận tại ngày 4/11/2024 (6,09%/năm).
- **MWG:** Năm nay, tập đoàn bán lẻ này đề ra mục tiêu doanh thu thuần là 150.000 tỷ, lãi sau thuế 4.850 tỷ đồng; tăng lần lượt 12% và 30% so với năm 2024. Đây sẽ là con số doanh thu cao kỷ lục và lợi nhuận chỉ thấp hơn mức kỷ lục 2021. HĐQT trình cổ đông phương án chi cổ tức cho năm 2024 tối đa 10% bằng tiền.
- **VRE:** Trong quý 1/2025, Vincom Retail ghi nhận doanh thu thuần hợp nhất đạt hơn 2.131 tỷ đồng, giảm 5,5% so với cùng kỳ năm 2024 (2.255 tỷ đồng). Vincom Retail báo lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 1.177 tỷ đồng, tăng gần 9% so với quý 1/2024.
- **VPB:** Năm 2025, VPBank kỳ vọng đạt lợi nhuận trước thuế hợp nhất 25.270 tỷ đồng, tăng 26% so với năm trước, động lực tăng trưởng đến từ hệ sinh thái bao gồm tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm.
- **HDB:** Trong quý 1/2025, HDBank ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 5.355 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước. ROE tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt 29,62%, thuộc nhóm dẫn đầu toàn ngành. Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất đạt 9.205 tỷ đồng, tăng trưởng bền vững nhờ sự đóng góp tích cực từ các hoạt động cốt lõi cùng các chỉ tiêu kinh doanh số tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ.
- **HDG:** Hội đồng quản trị công ty trình kế hoạch kinh doanh năm 2025 với doanh thu hợp nhất 2.936 tỷ đồng (tăng 8%) và lãi sau thuế 1.057 tỷ đồng (tăng hơn 136%) so với kết quả thực hiện được trong năm 2024. Hà Đô cũng trình cổ đông thông qua kế hoạch trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% vốn điều lệ.
- **DXG:** DXG đặt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất và lãi ròng năm 2025 lần lượt đạt 7,000 tỷ đồng và 368 tỷ đồng, tăng 62% và 44% so với năm trước. Về cổ tức, ban lãnh đạo DXG trình ĐHCĐ không chia cổ tức 2024 nhưng dự kiến chia cổ tức 2025 với tỷ lệ 20%.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	3.331,71	-0,37	26,95
Dầu WTI	61,86	-0,31	-13,75
Dầu Brent	65,65	-0,32	-12,04
Than	95,60	0,26	-23,67
Đồng	9.378,00	0,04	6,96
Quặng sắt	99,14	0,09	-5,43
Thép	463,00	0,65	-2,68

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	99,084	0,07	-8,67
USD/JPY	142,31	-0,21	10,46
USD/CNY	7,2886	-0,02	0,15
EUR/USD	1,1396	-0,21	10,06
GBP/USD	1,3423	-0,13	7,25

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,50%	07/05/2025	0,00
ECB	2,65%	27/04/2025	-0,25
BOE	4,50%	08/05/2025	0,00
BOJ	0,50%	01/05/2025	0,00
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
HPG	248,98	25.650	-0,19
FPT	424,68	109.500	-2,58
MWG	467,76	60.900	0,66
TCB	289,67	26.000	0,19
STB	352,89	39.250	0,26

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	480.451,32	57.500	0,00
BID	242.588,05	34.550	-1,29
CTG	197.884,20	36.850	-0,81
FPT	161.082,08	109.500	-2,58
TCB	183.686,15	26.000	0,19

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

SSI

Khuyến nghị	MUA
Giá hiện tại	23.050
Giá mục tiêu	25.300
Tiềm năng tăng giá	9,76%
Vùng tăng tỷ trọng	22.500-22.800
Ngưỡng cắt lỗ	<21.700

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Kết thúc quý 1/2025, SSI có doanh thu hợp nhất đạt 2.186 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 1,035 tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 22,5% và 24,3% kế hoạch năm 2025.
- Năm 2025, SSI đặt mục tiêu doanh thu 9.695 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 4.252 tỷ đồng, tăng lần lượt 11% và 20% so với năm 2024. Kế hoạch này dựa trên kịch bản chỉ số VN-Index dao động trong khoảng 1.450 – 1.500 điểm, với thanh khoản trung bình 19.500 tỷ đồng/phiên.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- SSI đang hình thành vùng tích lũy sau nhịp hồi phục mạnh từ đáy. Kháng cự mạnh ngắn hạn tại vùng 23.500 đồng (MA20 ngày). Nhà đầu tư có thể quan sát và canh giải ngân đối với cổ phiếu SSI nếu có những phiên tích lũy trên các ngưỡng hỗ trợ với vùng mua 22.500-22.800 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2023	FY2024	Q42024
DTT (tỷ đ)	7.158	8.529	2.221
LNTT (tỷ đ)	2.849	3.544	555
LNST (tỷ đ)	2.294	2.845	438
Nợ/VCSH (%)	186	170	170
ROE (%)	9,41	11,39	11,39
ROA (%)	3,51	3,97	3,97
EPS (VNĐ)	1.145,70	1.494,51	1512,17
P/E (lần)	23,04	17,43	15,24
P/B (lần)	2,13	1,92	1,70

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	NEUTRAL	SELL	SELL

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	43,53	NEUTRAL
MACD (12,26)	-0,73	SELL
ADX (14)	32,58	SELL
SMA5	22.770	BUY
SMA20	23.430	SELL
SMA50	25.160	SELL
SMA100	25.200	SELL
SMA200	25.570	SELL

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
1	HCM	Theo dõi	23,5-24,5			27,3	23,2			
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	STB	Chốt lời	33,7-34,7	4/4/2025	34,1	38,4	33	15/4/2025	38,6	13,20%
2	SSI	Nắm giữ	21,5-22,5	22/4/2025	21,5	25,3	21,3			7,21%
3	MBB	Chốt lời	21,8-22,3	22/4/2025	21,8	24,5	20,7	29/4/2025	ATO	8,72%
4	HPG	Chốt lời	23-24	22/4/2025	23,4	26,5	22,8	29/4/2025	ATO	9,62%
5	VCG	Mua	21-21,8	22/4/2025	21	24,5	20,7			1,67%
6	TCB	Mua	25-25,8	28/4/2025	25,8	28,2	24,5			0,78%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	SZC	Cắt lỗ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40	10/1/2025	41	-2,38%
2	HHV	Chốt lời	10,8-11,4	10/1/2024	11,4	12,8	10,5	17/1/2025	12,8	12,28%
3	VCG	Chốt lời	17,7-18,1	14/01/2025	18,1	19,8	17,2	3/2/2025	20	10,50%
4	HPG	Cắt lỗ	26-26,8	5/2/2025	26,8	28,9	25,5	10/2/2025	25,50	-4,8%
5	VCI	Chốt lời	33,6-34,6	4/2/2025	34,35	37,45	32	3/3/2025	37,45	9,02%
6	SSI	Chốt lời	24,5-25	24/2/2025	25,3	27,4	23,8	13/3/2025	27,4	8,30%
7	POW	Cơ cấu	11,4-11,8	12/2/2025	11,8	13,2	11,2	14/3/2025	12	1,69%
8	VHC	Cơ cấu	67,5-69,5	18/2/2025	69,5	76	65,6	14/3/2025	67,9	-2,3%
9	PC1	Cơ cấu	23,5-23,9	26/2/2025	23,9	26,3	22,7	14/3/2025	23,1	-3,35%
10	KSB	Cơ cấu	19,6-20	6/3/2025	19,9	22,1	19	14/3/2025	19,85	-0,21%
11	DXG	Cơ cấu	15,7-16,2	11/3/2025	16,2	17,8	15,2	14/3/2025	16,1	-0,61%
12	BID	Cắt lỗ	38,6-39,3	6/2/2025	39,6	45	37,3	3/4/2025	37,3	-5,81%
13	KBC	Cắt lỗ	28,5-29,5	18/2/2025	29,2	33	27,6	3/4/2025	27,6	-5,4%
14	VPB	Cắt lỗ	18,7-19	21/02/2025	19	21,2	18	3/4/2025	18	-5,26%
15	STB	Chốt lời	33,7-34,7	4/4/2025	34,1	38,4	33	16/4/2025	38,6	13,20%

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI: 1150-1165.

Khuyến nghị 30/1/2024

NHCP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Điểm 14	~(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	~13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	~18-37%
NHCP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	(Có thể DCA và 61-62)	
Chốt lời 1:(50%)	Điểm 59	~(-5%)
Chốt lời 2:(50%)	72-75	~12%-14%
Năm giữ		
NHCP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	~(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	~7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	~13%-24%

by Thanh Dinh @ ginlabs.vn

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lợi nhuận)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4,439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room